

CHÍNH PHỦ

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 167/1999/ NĐ-CP ngày 26/11/1999 về tổ chức quản lý đường bộ.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 20 tháng 3 năm 1996;

Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ công trình giao thông ngày 02 tháng 12 năm 1994;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1.

1. Nghị định này quy định về phân loại đường bộ, vốn đầu tư đường bộ và phân cấp quản lý đường bộ.

2. Đường bộ nêu trong Nghị định này là kết cấu hạ tầng của giao thông vận tải phục vụ cho việc đi lại của người và các loại phương tiện giao thông đường bộ.

Điều 2. Các hệ thống đường bộ trong cả nước là một mạng lưới liên hoàn do Nhà nước thống nhất quản lý, không phân biệt đường bộ được xây dựng bằng nguồn vốn nào.

Điều 3. Mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước

và nước ngoài, kể cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài có đầu tư vốn xây dựng, quản lý, sửa chữa và khai thác hệ thống đường bộ ở Việt Nam đều phải tuân theo các quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Điều 4. Mọi tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài, kể cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đều có trách nhiệm bảo vệ, giữ gìn các hệ thống đường bộ, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về quản lý và khai thác hệ thống đường bộ.

Chương II

QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ

Điều 5. Bộ Giao thông vận tải chịu trách nhiệm trước Chính phủ trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đường bộ trong phạm vi cả nước, bao gồm các nội dung sau:

1. Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển hệ thống đường bộ trong cả nước phục vụ cho sự phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng của đất nước; chỉ đạo các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển mạng lưới đường bộ của địa phương phù hợp với quy hoạch, kế hoạch chung về phát triển mạng lưới đường bộ của cả nước;

2. Xây dựng trình Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật, các tiêu chuẩn và định mức kinh tế kỹ thuật và các quy định khác về quản lý đường bộ;

3. Trình Chính phủ phê duyệt hoặc phê duyệt theo thẩm quyền những công trình, dự án đầu tư xây dựng đường bộ theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng;

4. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý đường bộ và chất lượng các công trình đường bộ trong phạm vi cả nước.

Điều 6. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện việc quản lý đường bộ, bao gồm các nội dung sau:

1. Xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển đường bộ của địa phương phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng ở địa phương và theo sự chỉ đạo và hướng dẫn của Bộ Giao thông vận tải về chiến lược, quy hoạch phát triển chung của mạng lưới đường bộ trong cả nước;

2. Tổ chức quản lý và bảo vệ các hệ thống đường bộ của địa phương, bảo vệ hệ thống đường bộ qua địa phương theo quy định của pháp luật; phối hợp với các cơ quan hữu quan để thống nhất xây dựng kế hoạch phát triển, cải tạo các công trình ngầm ở những nơi có đường bộ đi qua;

3. Tuyên truyền, giáo dục và kiểm tra việc thực hiện các quy định pháp luật về đường bộ trong phạm vi quản lý của địa phương;

4. Chỉ đạo các tổ chức chuyên ngành có chức năng quản lý nhà nước về đường bộ trong phạm vi địa phương theo đúng các quy định của pháp luật và hướng dẫn chuyên ngành của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 7. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng và các Bộ, ngành có liên quan trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Giao thông vận tải trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đường bộ.

Chương III

PHÂN LOẠI ĐƯỜNG BỘ

Điều 8. Mạng lưới đường bộ được phân chia thành 6 hệ thống sau đây:

1. Hệ thống quốc lộ (ký hiệu là QL) là các đường trục chính của mạng lưới đường bộ toàn quốc có tác dụng đặc biệt quan trọng phục vụ lợi ích kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội, an ninh quốc phòng của đất nước bao gồm:

a) Đường nối liền Thủ đô Hà Nội tới các thành

phố trực thuộc Trung ương, tới trung tâm hành chính của các tỉnh;

b) Đường từ trục chính đến các cửa khẩu quốc tế và cửa khẩu chính (bao gồm cả cảng quốc gia), đến các khu công nghiệp lớn;

c) Đường trục nối liền trung tâm hành chính của nhiều tỉnh (từ 03 tỉnh trở lên) có ý nghĩa quan trọng về các mặt kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội, an ninh quốc phòng đối với từng vùng.

2. Hệ thống đường tỉnh (ký hiệu là ĐT) là các đường trục trong địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là tỉnh) bao gồm các đường nối từ thành phố hoặc trung tâm hành chính của tỉnh tới trung tâm hành chính của huyện và các đường trục nối trung tâm hành chính của tỉnh với trung tâm hành chính của các tỉnh lân cận.

3. Hệ thống đường huyện (ký hiệu là ĐH) là các đường nối từ trung tâm hành chính huyện tới trung tâm hành chính của xã hoặc cụm các xã của huyện và các đường nối trung tâm hành chính huyện với trung tâm hành chính của các huyện lân cận.

4. Hệ thống đường xã (ký hiệu là DX) là các đường nối từ trung tâm hành chính xã đến các thôn, xóm hoặc các đường nối giữa các xã với nhau nhằm phục vụ giao thông công cộng trong phạm vi xã.

5. Hệ thống đường đô thị (ký hiệu là ĐĐT) là các đường giao thông nằm trong nội đô, nội thị thuộc phạm vi địa giới hành chính của thành phố, thị xã, thị trấn.

6. Hệ thống đường chuyên dùng (ký hiệu là ĐCD) là các đường nội bộ hoặc đường chuyên phục vụ cho nhu cầu vận chuyển và đi lại của một hoặc nhiều cơ quan, doanh nghiệp, tư nhân.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định phân loại các hệ thống đường bộ được quy định như sau:

1. Hệ thống quốc lộ do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định.

2. Hệ thống đường tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là cấp tỉnh) quyết định sau khi có ý kiến

đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

3. Hệ thống đường đô thị do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sau khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

4. Hệ thống đường huyện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

5. Hệ thống đường xã do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

6. Hệ thống đường chuyên dùng do tổ chức, cá nhân có đường chuyên dùng quyết định sau khi có ý kiến thỏa thuận bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh sở tại.

Việc điều chỉnh hệ thống đường chuyên dùng thành một trong 5 hệ thống đường nói trên được thực hiện theo thẩm quyền quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 của Điều này.

Sau khi quyết định phân loại hệ thống đường tỉnh, đường huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải báo cáo Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; sau khi quyết định phân loại hệ thống đường xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Chương IV

TỔ CHỨC VÀ PHÂN CẤP QUẢN LÝ ĐƯỜNG BỘ

Điều 10. Cơ quan quản lý đường bộ ở Trung ương.

Bộ Giao thông vận tải thống nhất quản lý nhà nước về đường bộ trong phạm vi cả nước; trực tiếp quản lý hệ thống quốc lộ. Cục Đường bộ Việt Nam được Bộ Giao thông vận tải giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý các đoạn tuyến quốc lộ; trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải giao cho các Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý một số đoạn tuyến, tuyến quốc lộ.

Điều 11. Cơ quan quản lý đường bộ ở địa phương.

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý các hệ thống đường bộ địa phương theo quy định của pháp luật; trực tiếp tổ chức quản lý các hệ thống đường tỉnh, đường đô thị. Sở Giao thông vận tải trực tiếp quản lý các đoạn tuyến quốc lộ mà Bộ Giao thông vận tải đã giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và các tuyến (hoặc đoạn) đường đô thị, đường tỉnh quan trọng; trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao cho các huyện quản lý số đường tỉnh, đường đô thị còn lại.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý đối với đường trong phạm vi huyện. Cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp huyện được giao nhiệm vụ trực tiếp quản lý các đường tỉnh và đường đô thị được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao; quản lý hệ thống đường huyện.

3. Ủy ban nhân dân xã quản lý đường xã trong phạm vi xã.

Điều 12.

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân trước khi xây dựng đường chuyên dùng phải được phép của các cơ quan có thẩm quyền và phải đăng ký đường tại Sở Giao thông vận tải sở tại; việc quản lý, khai thác phải theo quy định và hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được phép đầu tư xây dựng đường bộ theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT) tổ chức quản lý, khai thác đường theo quy định và hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành.

Chương V

VỐN ĐẦU TƯ ĐƯỜNG BỘ

Điều 13. Vốn đầu tư đường bộ gồm:

- Vốn đầu tư xây dựng mới, khôi phục, cải tạo và nâng cấp đường bộ;
- Vốn quản lý và sửa chữa đường bộ.

Việc quản lý vốn đầu tư đường bộ thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 14. Nguồn vốn để đầu tư đường bộ.

1. Vốn đầu tư đường bộ đối với hệ thống quốc lộ được bố trí từ ngân sách Trung ương và từ các nguồn vốn khác.

2. Vốn đầu tư đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh, đường huyện chủ yếu bố trí từ nguồn vốn của ngân sách địa phương và từ các nguồn vốn khác.

3. Vốn đầu tư đường bộ đối với hệ thống đường xã chủ yếu huy động từ sự đóng góp tài, lực của nhân dân địa phương, của ngân sách xã và một phần hỗ trợ của ngân sách cấp trên và từ các nguồn vốn khác.

Điều 15. Vốn cho quản lý và sửa chữa đường bộ được sử dụng vào các công việc sau đây:

1. Quản lý và sửa chữa thường xuyên;
2. Sửa chữa định kỳ;
3. Sửa chữa đột xuất.

Bộ Giao thông vận tải thống nhất với Bộ Tài chính để quy định cụ thể việc quản lý vốn đầu tư cho công tác quản lý và sửa chữa đường bộ trên cơ sở các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 16. Bộ Kế hoạch và Đầu tư thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nguồn vốn ngân sách nhà nước cho đầu tư xây dựng mới, khôi phục, cải tạo và nâng cấp hệ thống đường bộ địa phương, đồng thời gửi cho Bộ Giao thông vận tải biết.

Điều 17. Bộ Tài chính thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nguồn kinh phí của Nhà nước đầu tư cho việc quản lý và sửa chữa các hệ thống đường địa phương, đồng thời gửi cho Bộ Giao thông vận tải biết.

Điều 18. Vốn đầu tư công trình đường bộ theo các hình thức hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (BOT) và Xây dựng - Chuyển giao (BT) thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Các quy định trước đây trái với Nghị định này đều bị bãi bỏ.

Điều 20. Bộ Giao thông vận tải chủ trì và phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Xây dựng và các Bộ, ngành có liên quan hướng dẫn thi hành Nghị định này.

Điều 21. Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 168/1999/NĐ-CP ngày 29/11/1999 quy định danh mục và chế độ, thủ tục đăng ký, quản lý phương tiện kỹ thuật thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên ngày 27 tháng 8 năm 1996;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng,